

Bản án số: 289/2018/HS-ST
Ngày 30-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Thương** và ông **Lò Thanh Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 290/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh năm 1983, tại Điện Biên; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 4/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lò Văn L, sinh năm 1933, đã chết.

Con bà: Lò Thị H, sinh năm 1933, đã chết.

Vợ con chưa có.

Tiền án: Có một tiền án, ngày 25/5/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phạt bị cáo Lò Văn T 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành hình phạt đến ngày 29/4/2016 ra trại.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2018, có mặt.

*** Bị hại:** Lò Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Quàng Văn T, sinh năm 1996, địa chỉ: Đội 15, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, địa chỉ: Đội 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

3. Lò Thị T, sinh năm 1976, địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lò Văn T được cháu gái mình là Lò Thị N cho ở nhờ để trông nhà hộ N ở Bản N, xã P, huyện Đ. Khoảng 06 giờ ngày 03/9/2018, lợi dụng không có ai ở nhà, Lò Văn T lấy con dao nhọn chọc thủng hai lớp kim loại của chiếc kết sắt trong nhà N nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi phá xong chiếc kết sắt, bị cáo thấy bên trong chiếc kết sắt có một sợi dây chuyền bạc, một sợi dây chuyền vàng ta, một chiếc hoa tai vàng tây, một chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị N, và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn H là bố đẻ của Lò Thị N. Bị cáo lấy một dây chuyền vàng, một dây chuyền bạc và một hoa tai vàng cho vào túi quần đang mặc. Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một chứng minh nhân dân bị cáo để ở trên giường ngủ cạnh bếp. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đến nhà Quàng Văn T, sinh năm 1996, trú tại đội 15, xã P, huyện Đ mượn xe mô tô 27B1 - 734.46 về nhà N chở kết sắt mang đi bán sắt vụn cho Nguyễn Thị H được 90.000 đồng. Khoảng 07 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo đến nhà Lò Thị T, sinh năm 1976 ở cùng bản với bị cáo bán chiếc dây chuyền bạc cho Quàng Văn H là bạn trai của Lò Thị T, sau đó H làm quà tặng cho T. Còn dây chuyền vàng và chiếc hoa tai vàng, bị cáo cùng Lò Văn T1, sinh năm 1986 ở Bản N, xã P, huyện Đ mang sang bản P, nước CHDCND Lào đổi Heroine sử dụng hết.

Cáo trạng số 235/CT-VKSDB ngày 16/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 đến 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Chấp nhận ý kiến của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Đơn trình báo ngày 09/9/2018 bút lục số 17, bị hại Lò Thị N, sinh năm 1993, địa chỉ Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trình báo đến Công an xã P, huyện Đ về việc chị bị mất tài sản là chiếc kết sắt của gia đình chị. Trong kết sắt có dây chuyền vàng, hoa tai vàng, dây chuyền bạc. Đề nghị cơ quan Công an làm rõ đối tượng trộm cắp tài sản của gia đình chị.

Biên bản ghi lời khai hỏi 16 giờ 40 phút ngày 09/9/2018 của Công an huyện Đ. Chị Lò Thị N kê khai các loại tài sản bị mất trộm và chị nghi ngờ cho đối tượng Lò Văn T, sinh năm 1984, ở cùng bản với chị. Do mối quan hệ là chú cháu, nên chị N có nhờ chú T trông nhà hộ, đồng thời chị N nghe chị T nhà ở cùng bản nói với chị cách đó khoảng một tuần, chị T nhìn thấy chú T chở một chiếc kết sắt bằng xe máy đi về hướng P.

Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu tại bút lục số 23a, 24. Công an xã P tạm giữ của Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, địa chỉ Thôn 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên một chiếc kết sắt màu xanh hiệu Việt Tiệp đã bị đục thủng và tạm giữ của Lò Thị T, sinh năm 1976, địa chỉ Bản N, xã P, huyện Đ một dây chuyền bạc trắng đeo cổ đã qua sử dụng. Chị H thừa nhận mua chiếc kết sắt theo cách thu mua sắt vụn của đối tượng tên T và không biết đó là tài sản trộm cắp. Chị T thừa nhận dây chuyền bạc là do Quàng Văn H mua của Lò Văn T tặng cho chị.

Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy bút lục số 98, chứng nhận xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 27B1 - 734.46 mang tên Quàng Văn T địa chỉ đội 15, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chứng cứ xác định chiếc xe mô tô mà bị cáo Lò Văn T sử dụng làm phương tiện tiêu thụ tài sản trộm cắp là xe thuộc sở hữu của Quàng Văn T.

Sơ đồ hiện trường hỏi 09 giờ 30 phút ngày 11/9/2018, bản ảnh khám nghiệm hiện trường từ bút lục số 29 đến 36 tại Bản N, xã P, huyện Đ khám nghiệm hiện trường nơi chiếc kết sắt và tài sản trong kết sắt của chị N bị mất.

Kết luận định giá tài sản số 46/KL-ĐG ngày 12/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tại bút lục số 38 xác định giá trị chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp là 1.000.000 đồng, một dây chuyền vàng ta 9999 trị giá 10.800.000 đồng, một hoa tai vàng tây trị giá 1.800.000 đồng, một sợi dây chuyền bạc trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lò Văn T trộm cắp là 13.750.000 đồng.

Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, bản tự khai của Lò Văn T từ bút lục số 52 đến 70, đối tượng Lò Văn T khai nhận đã trộm cắp tài sản của chị Lò Thị N, sinh năm 1993, địa chỉ Bản N, xã P, huyện Đ. Bị cáo trộm cắp tài sản và mang từng loại đi tiêu thụ. Kết sắt thì bị cáo bán cho người thu mua sắt vụn được 90.000 đồng, dây chuyền bạc bị cáo bán cho Quàng Văn H được 100.000 đồng. Dây chuyền vàng và hoa tai vàng bị cáo mang đi đổi ma túy ở bản P, nước CHDCND Lào.

Lời khai của người bị hại Lò Thị N từ bút lục số 44 đến 49 phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị hại Lò Thị N không yêu cầu Lò Văn T phải đền bù khoản gì khác.

Lời khai Lò Thị T tại các bút lục từ 86 đến 90. Lò Thị T chứng kiến việc Quàng Văn H mua sợi dây chuyền bằng bạc của Lò Văn T. Mua được dây chuyền, Quàng Văn H tặng luôn cho Lò Thị T. T và H không biết dây chuyền bạc mua của Lò Văn T là tài sản do T trộm cắp được mà có.

Lời khai Quàng Văn H tại các bút lục từ 101 đến 104. Quàng Văn H thừa nhận có mua dây chuyền bạc của bị cáo T, mua tại nhà Lò Thị T và H làm quà tặng luôn cho T. Việc mua dây chuyền H không biết là tài sản do bị cáo T trộm cắp được mà có.

Lời khai của Quàng Văn T tại bút lục số 95, 96 khẳng định chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 27B1 - 734.46 thuộc quyền sở hữu của anh T. Việc T sử dụng xe mô tô của anh đi tiêu thụ tài sản trộm cắp, anh không biết.

Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu hồi 08 giờ 30 phút ngày 14/9/2018 tại bút lục số 92 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả tài sản tạm giữ là 01 chiếc kết sắt đã bị cạy phá và một sợi dây chuyền bạc 3 chỉ đã qua sử dụng cho người nhận là Lò Thị N.

Bản án số 74/2007/HSST ngày 25/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên từ bút lục 73 đến 76 chứng minh Lò Văn T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử 15 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù của Trại giam N ngày 29/4/2016 bút lục 80. Chứng cứ chứng minh bị cáo Lò Văn T đã chấp hành xong hình phạt tù đối với bản án số 74/2007/HSST ngày 25/5/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Đến ngày 03/9/2018, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích.

Bản Kết luận điều tra số 223/KLĐT ngày 05/11/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản Kết luận điều tra đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị truy tố bị can Lò Văn T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lò Văn T có tội. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đồng thời dịch chuyển tài sản ra khỏi sự quản lý của chủ sở hữu. Chứng cứ chứng minh hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lò Văn T có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Tài sản mà bị cáo Lò Văn T trộm cắp là chiếc két sắt, một dây chuyền vàng, một hoa tai vàng, một dây chuyền bạc có tổng giá trị 13.750.000 đồng. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt ở trong khoảng từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Tính chất tội phạm của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo Lò Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở Điện Biên, do bị cáo không tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên đã nghiện ma túy. Đây là nguyên nhân chính để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và phải nhận một bản án không đáng có trong đời. Bị cáo đã chấp hành xong bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích theo quy định của điểm d khoản 2 Điều 70. Do vậy lần xét xử này Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại là chị N đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lò Văn T theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Bị cáo nghiện ma túy không có thu nhập, khả năng của bị cáo không thi hành được hình phạt bổ sung. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Bị hại đã nhận lại một phần tài sản bị mất, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì khác. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[7] Các vấn đề khác: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 27B1 - 734.46 thuộc quyền sở hữu của anh Lò Văn T. Bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội anh T không biết. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Những người mua tài sản của bị cáo không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Bị cáo khai đi cùng đối tượng sang bản P, Lào đối ma túy sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không có cơ sở làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn T** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn T 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 13/9/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585; 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận sự tự nguyện của người bị hại không yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường thiệt hại các khoản gì khác.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

+ Chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu hồi 08 giờ 30 phút ngày 14/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả tài sản tạm giữ cho Lò Thị N.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/11/2018. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huấn